

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-PT
Ngày 24 - 3 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tinh

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2020/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2021/QĐPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ánh T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh Võ Trần D, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1968;

2. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1, ông K: Anh Nguyễn Minh K1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 251 ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/7/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Võ Trần D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T trình bày:

Bà Phạm Thị Ánh T là chủ của hàng ngư lưới cụ Thái, vào khoảng năm 2017 bà T có bán các loại ngư lưới cụ sử dụng để đánh bắt thủy sản cho ông Đặng Văn K và Nguyễn Thị T1 với thỏa thuận là khi tàu đánh bắt thủy sản của bên mua hoặc tàu tải thủy sản của bên mua vào đến bờ thì bên mua sẽ thanh toán tiền cho bên bán. Nhưng sau khi bán thủy sản thì ông K, bà T1 không trả đủ tiền mua ngư lưới cụ cho bà T. Tính đến ngày 23/12/2019 (âm lịch) ông K, bà T1 còn nợ tiền ngư lưới cụ là 611.495.000đ (Sáu trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Mặc dù đã nhiều bà T yêu cầu ông K, bà T1 trả tiền nhiều lần nhưng ông K, bà T1 chưa trả nợ cho bà T.

Do đó, bà T yêu cầu bà T1, ông K trả số tiền mua ngư lưới cụ còn nợ là 611.495.000đ và tiền lãi tính từ ngày 23/12/2019 (âm lịch) đến ngày 23/5/2020 (âm lịch) là 05 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, số tiền là 25.377.042 đồng, tổng cộng là 636.872.042 đồng.

Tuy nhiên, ngày 04/9/2020, bà T1, ông K có trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Do đó, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 100.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà T1, ông K phải trả số tiền mua ngư cụ còn nợ là 511.495.000 đồng (năm trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi 25.377.042 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi hai đồng), tổng cộng là 536.872.042đồng (năm trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Đặng Văn K trình bày:

Từ năm 2017, vợ chồng ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị T1 có mua ngư lưới cụ của bà Phạm Thị Ánh T để đánh bắt thủy sản trên các tàu do ông K, bà T1 làm chủ. Khi mua thì hai bên thỏa thuận là mua gỏi đầu, chuyển sau sẽ trả tiền cho chuyển trước. Nhưng do làm ăn khó khăn biến thất nên vợ chồng ông K, bà T1 còn nợ lại tiền bà T. Tính đến ngày 23/12/2019 (âm lịch) thì vợ chồng ông K, bà T1 còn nợ bà T số tiền 611.495.000 đồng như bà T trình bày. Do dịch bệnh, làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông K, bà T1 chưa có khả năng trả cho bà T số tiền trên. Khi mua ngư lưới cụ thì bà T có tính tiền lãi trong số tiền nợ nên ông bà không

đồng ý trả lãi số tiền trên. Việc tính tiền lãi trong số tiền nợ thì ông bà chỉ trình bày chứ không có giấy tờ gì chứng minh.

Ngày 04/9/2020, ông K, bà T1 có trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) do anh Võ Trần D là người đại diện theo ủy quyền của bà T nhận. Do đó, bà T1, ông K đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ là 511.495.000 đồng (năm trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) nhưng yêu cầu trả dần mỗi tháng 30.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi tắt nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng có văn bản trình bày có nội dung:

Ông K và bà T1 làm nghề đánh bắt cá trên biển, do ảnh hưởng dịch bệnh và bão lụt nên không thể đánh bắt được, thu nhập không ổn định nên không đủ trang trải cuộc sống gia đình, đây là điều kiện bất khả kháng khiến ông bà không thể trả được nợ, ông bà rất có thiện chí để trả nợ nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông bà hứa cố gắng trả dần trong thời gian sớm nhất, do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2020/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ Điều 430, 433, 434, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Ánh T số tiền mua tài sản còn nợ là 511.495.000 đồng (năm trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi là 25.377.042 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi hai đồng), tổng cộng là 536.872.042 (năm trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2021, bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét chấp nhận cho ông bà được trả nợ trong vòng 12 tháng (04 quý) kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, cuối mỗi quý trả 150.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, với lý do vợ chồng ông bà làm nghề đánh bắt cá trên biển, do ảnh hưởng dịch bệnh và bão lụt nên không thể

đánh bắt được, thu nhập không ổn định nên không đủ trang trải cuộc sống gia đình, đây là điều kiện bất khả kháng.

Quan điểm của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Việc xin trả dần của bị đơn thuộc giai đoạn thi hành án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không đồng ý cho bị đơn trả dần, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả các bên đương sự tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T yêu cầu ông K, bà T1 thanh toán số tiền mua ngư cụ còn nợ là 511.495.000 đồng. Ông K, bà T1 thừa nhận đến ngày 23/12/2019 còn nợ bà T số tiền 611.495.000 đồng, đến ngày 04/9/2020 ông bà đã trả cho bà T được 100.000.000 đồng nên còn nợ số tiền 511.495.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

[2] Về yêu cầu tính lãi:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng, tuy nhiên vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi trên số tiền 611.495.000 đồng tính từ ngày 23/12/2019 (âm lịch) đến ngày 23/5/2020 (âm lịch) là 05 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng, số tiền là 25.377.042 đồng, tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là 636.872.042 đồng.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất hình thức thanh toán là gởi đầu (thanh toán tiền chuyển trước nợ chuyển sau, tuy nhiên do bị đơn không thanh toán đầy đủ số tiền mua ngư lưới nên ngày 23/12/2019 al hai bên đối chiếu nợ và bị đơn còn nợ số tiền 611.495.000 đồng. Từ khi đối chiếu nợ ngày 23/12/2019 al là ngày 17/01/2020 đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện là ngày 15/7/2020 bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn và chỉ thanh toán được 100.000.000 đồng vào ngày 04/9/2020.

Do bị đơn không thanh toán đầy đủ khoản nợ cho nguyên đơn từ ngày chốt nợ là ngày 23/12/2019 al là ngày 17/01/2020dl nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền 611.495.000 đồng lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Xét thấy, từ ngày 17/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là

ngày 16/10/2020 là 09 tháng nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi là 05 tháng, tại phiên tòa nguyên đơn rút đơn đối với số tiền 100.000.000 đồng và giữ nguyên yêu cầu tính lãi trên số tiền 611.495.000 đồng số tiền là 25.377.042 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi chậm trả được Tòa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ là có căn cứ, bị đơn không kháng cáo phần này.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn xin trả dần mỗi quý 150.000.000 đồng:

Xét thấy, lý do kháng cáo của bị đơn không thuộc trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật, đồng thời việc bị đơn xin trả dần thuộc giai đoạn thi hành án, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn được trả dần, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2020/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Điều 430, 433, 434, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh T.

Buộc bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Ánh T số tiền mua tài sản còn nợ là 511.495.000 (năm trăm mười một triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn) đồng và tiền lãi là 25.377.042 (hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi hai) đồng, tổng cộng là 536.872.042 (năm trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn không trăm bốn mươi hai) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ánh T với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T1 phải liên đới nộp số tiền án phí là 25.474.800 (hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm ngàn) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đặng Văn K và bà Nguyễn Thị T1 phải liên đới nộp số tiền án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0004249 và số 0004250 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông K, bà T1 số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương